

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011-2020 của Bộ Giao thông vận tải**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22/4/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ - Phó Trưởng ban, Ban chỉ đạo cải cách hành chính Bộ Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/ *Đinh La Thăng*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Đảng ủy Bộ GTVT;
- Công đoàn GTVT Việt Nam;
- Công đoàn cơ quan Bộ GTVT;
- Lưu VT, Vụ TCCB (Dg).



Đinh La Thăng

CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011-2020
CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 490 /QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020, Bộ Giao thông vận tải ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 trong lĩnh vực giao thông vận tải như sau.

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

a) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế thuộc lĩnh vực đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không, quản lý xây dựng và chất lượng công trình GTVT, đăng kiểm và y tế GTVT theo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm bảo đảm thực thi pháp luật của Nhà nước, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho sự phát triển ngành GTVT.

b) Xoá bỏ các thủ tục hành chính quan liêu, rườm rà; tạo một hệ thống thủ tục đơn giản, công khai, minh bạch, thuận lợi, nhằm tiết kiệm thời gian và kinh phí của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và cơ quan hành chính trong giải quyết thủ tục hành chính.

c) Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức của các cơ quan, đơn vị hành chính thuộc Bộ Giao thông vận tải trong sạch, vững mạnh; hoạt động có hiệu lực, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành và phát huy tính dân chủ trong hoạt động ở các cơ quan, đơn vị.

d) Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của từng bộ phận, cá nhân trong cơ quan, đơn vị; tiếp tục phân cấp quản lý cho tổ chức, cá nhân của các đơn vị trực thuộc theo quy định; tạo môi trường thuận lợi để cán bộ công chức phát huy năng lực, chia sẻ kinh nghiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

đ) Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Giao thông vận tải đáp ứng cả về số lượng và chất lượng; có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ đáp ứng được nhu cầu phục vụ nhân dân, sự phát triển của ngành GTVT; từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ công.

e) Bảo đảm thực hiện quyền dân chủ của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong hoạt động giao thông vận tải; gắn quyền con người với quyền và lợi ích của ngành Giao thông vận tải và của đất nước.

2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 1 (2011 – 2015) gồm các mục tiêu sau đây:

a) Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của một số cơ quan, đơn vị thuộc Bộ cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn quản lý.

b) 70% cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm; trên 80% công chức đạt tiêu chuẩn theo chức danh.

c) Đổi mới quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông vận tải.

d) Thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức được cải cách cơ bản theo hướng gọn nhẹ, đơn giản; mỗi năm đều có tỷ lệ giảm chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước.

đ) Từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, bảo đảm sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công thuộc Bộ GTVT cung cấp; sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước vào năm 2015 và 2020 đạt mức theo quy định của Chính phủ tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ.

e) 60% văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên mạng điện tử; 100% các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp Tổng cục, Cục trở lên có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử, cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định; cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2 (cho phép tải về các mẫu đơn, hồ sơ để in ra giấy) và hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến ở mức độ 3 tới người dân và doanh nghiệp.

g) Các trang tin, cổng Thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải hoàn thành việc kết nối với Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, hình thành đầy đủ Mạng thông tin điện tử hành chính của Bộ GTVT trên Internet.

h) Phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tiếp tục đổi mới chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức theo khu vực hành chính và sự nghiệp.

Giai đoạn 2 (2016 – 2020) gồm các mục tiêu sau đây:

a) Có được hệ thống thể chế trong lĩnh vực giao thông vận tải đồng bộ, phù hợp với yêu cầu quản lý.

b) Tổ chức cơ quan hành chính nhà nước từ cấp Bộ tới các đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải phù hợp, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

c) Thủ tục hành chính được cải cách cơ bản, mức độ hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 80% vào năm 2020.

d) Đến năm 2020, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ để phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước; 100% các cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm.

đ) Sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công thuộc Bộ GTVT cung cấp; sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước vào năm 2015 và 2020 đạt mức theo quy định của Chính phủ tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ.

e) Đến năm 2020, việc ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước đạt được mục tiêu quy định tại Tiết a) Điểm 6 Mục II của Chương trình này.

Trọng tâm cải cách hành chính giai đoạn 10 năm tới trong lĩnh vực giao thông vận tải là: Xây dựng và hoàn thiện thể chế hành chính; cải cách thủ tục hành chính; xây dựng và

nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; hiện đại hoá hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công trong lĩnh vực giao thông vận tải.

II. NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Cải cách thể chế

a) Ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm của Bộ Giao thông vận tải.

b) Tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm của Bộ Giao thông vận tải. Trong đó, xây dựng kế hoạch rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004, Luật Đường sắt năm 2005, Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2005, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ thực tế của ngành giao thông vận tải.

c) Đổi mới quy trình và nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể là: rà soát và hệ thống hoá các văn bản; tăng cường năng lực của các cơ quan soạn thảo văn bản; đổi mới phương pháp xây dựng và ban hành văn bản; loại bỏ các yếu tố chủ quan, cục bộ, không đồng bộ; tăng cường sự tham gia đóng góp ý kiến của người dân và doanh nghiệp.

d) Đổi mới thể chế quản lý doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là xác định rõ vai trò quản lý của Nhà nước với vai trò chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước; tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước với chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước.

đ) Hoàn thiện các quy định của pháp luật về xã hội hóa các cơ sở đào tạo chuyên ngành giao thông vận tải, các đơn vị y tế giao thông vận tải và các tổ chức khác trong ngành giao thông vận tải theo chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

e) Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức và hoạt động của Bộ Giao thông vận tải và của các cơ quan hành chính nhà nước trực thuộc Bộ.

g) Hoàn thiện các quy định của pháp luật về mối quan hệ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động giao thông vận tải. Trọng tâm là bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp; lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng và về quyền giám sát của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan đối với hoạt động của cơ quan hành chính thuộc Bộ Giao thông vận tải.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Tiếp tục rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải đã được công bố và nâng cao chất lượng các thủ tục hành chính, nhất là thủ tục hành chính liên quan đến người dân và doanh nghiệp.

b) Trong giai đoạn 2011 – 2015 tập trung vào cải cách thủ tục hành chính để tiếp tục cải thiện môi trường và giảm thiểu thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực: Hàng không, hàng hải, đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, toàn bộ lĩnh vực đăng kiểm, y tế Giao thông vận tải, các thủ tục hành chính khác và một số lĩnh vực do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo yêu cầu cải cách trong từng giai đoạn.

c) Thực hiện cải cách thủ tục hành chính giữa Bộ Giao thông vận tải với các cơ quan hành chính nhà nước khác, các ngành, các cấp và cải cách thủ tục hành chính trong nội bộ Bộ Giao thông vận tải.

d) Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ GTVT theo quy định của pháp luật; thực hiện cải cách thủ tục hành chính ngay trong quá trình xây dựng thể chế.

đ) Thực hiện công khai, minh bạch thủ tục hành chính bằng các hình thức thiết thực và thích hợp; công khai các chuẩn mực, các quy định hành chính để nhân dân giám sát việc thực hiện.

e) Thực hiện thống nhất cách tính chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính thuộc Bộ GTVT theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ; duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

g) Tiếp tục thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về các quy định hành chính để điều chỉnh nâng cao chất lượng các quy định hành chính; giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ GTVT và các cơ quan, đơn vị trong ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng bộ máy tổ chức. Cụ thể là: rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải và của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ GTVT (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước thuộc Bộ). Trên cơ sở đó điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức; sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị cho phù hợp; chuyển giao những công việc mà cơ quan hành chính nhà nước không nên làm cho các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận.

b) Tiếp tục đổi mới phương thức làm việc của cơ quan hành chính nhà nước thuộc Bộ GTVT; bảo đảm sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính vào năm 2015 và 2020 đạt mức theo quy định của Chính phủ tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ.

c) Cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ công, nhất là trên các lĩnh vực y tế, giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Giao thông vận tải; bảo đảm sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, đào tạo vào năm 2015 và 2020 đạt mức theo quy định của Chính phủ tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Đến năm 2018 xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ GTVT có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và sự nghiệp phát triển của ngành GTVT nói riêng và của đất nước nói chung.

b) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị, có năng lực, có tính chuyên nghiệp cao, tận tụy phục vụ nhân dân thông qua các hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, có hiệu quả.

c) Phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức, kể cả cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý.

d) Trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, của từng cơ quan, đơn vị tiếp tục xây dựng cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức hợp lý gắn với vị trí việc làm.

đ) Tuyển dụng, bố trí, phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực, sở trường của công chức, viên chức trúng tuyển; thực hiện chế độ thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh; thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào một số vị trí lãnh đạo, quản lý theo quy định của Chính phủ và Bộ Nội vụ.

e) Thực hiện việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân; quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức tương ứng với trách nhiệm và có chế tài nghiêm đối với hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm kỷ luật, vi phạm đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

g) Thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo kế hoạch hàng năm và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong quy hoạch theo nội dung, chương trình, phương thức do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo quy định đối với những vị trí phải thực hiện định kỳ chuyển đổi.

h) Đổi mới quy trình khen thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ và có chế độ tiền thưởng hợp lý đối với cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành xuất sắc công vụ.

i) Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức thực hiện tốt các quy tắc chuẩn mực ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, những việc được làm và không được làm của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

5. Cải cách tài chính công

a) Sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn tài chính của Nhà nước và các nguồn thu của cơ quan, đơn vị; thực hiện Luật ngân sách và thực hiện công khai tài chính theo quy định.

b) Nghiên cứu đề xuất cơ chế tài chính, chính sách tiền lương đối với đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và những đơn vị đặc thù trong lĩnh vực GTVT cho phù hợp theo từng giai đoạn, từng thời kỳ.

c) Nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích và thu hút nguồn kinh phí của các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải.

d) Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế thi đua khen thưởng phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước nhằm khuyến khích đội ngũ công chức, viên chức thực hiện tốt nhiệm vụ.

đ) Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

e) Đổi mới việc phân cấp quản lý tài chính, ngân sách và cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước; tiếp tục thực hiện cơ chế khoán chi hành chính tiến tới

xóa bỏ chế độ cấp kinh phí theo số lượng biên chế, thay thế bằng cơ chế cấp ngân sách dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động, hướng vào kiểm soát đầu ra, chất lượng chỉ tiêu theo mục tiêu, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước.

g) Đẩy mạnh xã hội hoá trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ GTVT; đổi mới cơ chế hoạt động, nhất là cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; từng bước thực hiện chính sách điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công phù hợp theo hướng tự chủ, công khai, minh bạch. Chuẩn hóa chất lượng dịch vụ, từng bước tiếp cận với tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.

h) Tăng cường công tác quản lý doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty.

i) Sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ theo hướng lấy mục tiêu và hiệu quả ứng dụng là tiêu chuẩn hàng đầu; phát triển các doanh nghiệp khoa học, công nghệ; thực hiện chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài khoa học và công nghệ.

6. Hiện đại hóa hành chính

a) Hoàn thiện và đẩy mạnh hoạt động Mạng thông tin điện tử của Bộ GTVT trên Internet và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trực thuộc Bộ để đến năm 2020: 90% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính được thực hiện dưới dạng điện tử; cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong các cơ quan; hầu hết các giao dịch của các cơ quan hành chính được thực hiện trên môi trường điện tử mọi lúc, mọi nơi, dựa trên các ứng dụng truyền thông đa phương tiện; hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến trên Mạng thông tin điện tử hành chính của Bộ ở mức độ 3 (cho phép điền và gửi trực tuyến các mẫu đơn, hồ sơ) và 4 (việc thanh toán chi phí được thực hiện trực tuyến, gửi và nhận kết quả qua đường bưu điện hoặc qua mạng), đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông trong quy trình xử lý quy trình công việc trong từng cơ quan hành chính, giữa các cơ quan hành chính với nhau và trong giao dịch với các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là trong hoạt động phục vụ hành chính công, dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công.

c) Công bố danh sách các dịch vụ hành chính công trên Mạng thông tin điện tử hành chính của Bộ trên Internet. Xây dựng và sử dụng thống nhất biểu mẫu điện tử trong giao dịch giữa cơ quan hành chính, tổ chức và cá nhân, đáp ứng yêu cầu đơn giản và cải cách thủ tục hành chính.

d) Xây dựng và thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng trong các cơ quan hành chính nhà nước (Cơ quan Bộ, Tổng cục Đường bộ VN và các Cục trực thuộc Bộ).

đ) Đẩy mạnh hoạt động của các Trang thông tin điện tử về cải cách hành chính của Bộ GTVT, kết nối với Trang thông tin điện tử cải cách hành chính của Chính phủ.

e) Xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm của Bộ GTVT và tổ chức Hội nghị ứng dụng công nghệ thông tin ngành GTVT.

g) Thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu về hạ tầng GTVT; cập nhật, bổ sung hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành GTVT trên mạng Internet.

h) Tiếp tục hoàn thiện và áp dụng các tiêu chuẩn của hệ thống Giao thông thông minh (ITS) trong ngành GTVT.

III. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình cải cách hành chính 10 năm của Bộ Giao thông vận tải được chia thành 2 giai đoạn:

1. Giai đoạn 1 (2011 – 2015)

2. Giai đoạn 2 (2016 – 2020)

Sau Mỗi giai đoạn, Bộ Giao thông vận tải sẽ tổ chức tổng kết, đánh giá để rút kinh nghiệm.

IV. NHIỆM VỤ ĐỘT PHÁ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Để thực hiện được mục tiêu và 6 nhiệm vụ cải cách hành chính của Chương trình này, Bộ Giao thông vận tải xác định trong giai đoạn 2011-2015, đặc biệt trong năm 2012: cán bộ, công chức phải có quyết tâm cao; phải có giải pháp cụ thể, thiết thực; phải tập trung thực hiện thật tốt những nhiệm vụ trọng tâm có tính đột phá sau đây:

1. Những nhiệm vụ trọng tâm có tính đột phá:

a) Cải cách thể chế hành chính;

b) Cải cách thủ tục hành chính;

c) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

d) Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin - truyền thông trong công tác quản lý nhà nước và trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

2. Những giải pháp thực hiện Chương trình:

2.1. Tăng cường công tác chỉ đạo việc thực hiện cải cách hành chính từ Bộ đến các đơn vị thuộc Bộ. Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm chỉ đạo thống nhất thực hiện Chương trình này trong phạm vi quản lý của mình; xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ công tác; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức thuộc mình quản lý; tăng cường, chủ động kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chương trình này.

2.2. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng các hình thức thiết thực, phù hợp và có hiệu quả tốt. Quy định rõ và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản theo thẩm quyền quản lý về chức danh, tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức trong từng cơ quan, tổ chức. Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động công vụ. Thực hiện việc đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân.

2.3. Nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác cải cách hành chính ở cấp Bộ và ở các cơ quan hành chính nhà nước trực thuộc Bộ. Đồng thời có chế độ, chính sách hợp lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách làm công tác cải cách hành chính ở các cấp.

2.4. Thường xuyên kiểm tra đánh giá việc thực hiện cải cách hành chính để có những giải pháp thích hợp nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính; xây dựng bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính ở Bộ GTVT; quy định kết quả thực hiện cải cách hành chính là tiêu chí để đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

2.5. Phát triển đồng bộ và song hành, tương hỗ ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông với cải cách hành chính nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công, cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, của tổ chức, cá nhân tham gia vào công tác cải cách hành chính và giám sát chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

2.6. Bảo đảm kinh phí cho việc thực hiện Chương trình cải cách hành chính của Bộ.

2.7. Cải cách chính sách tiền lương nhằm tạo động lực thực sự để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công vụ có chất lượng và hiệu quả cao.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Bộ GTVT bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình này trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

2. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách trung ương để triển khai Chương trình này.

VI. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục trực thuộc Bộ

Căn cứ Chương trình này xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2011 – 2020, Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2011 – 2015, Kế hoạch cải cách hành chính năm 2012 và gửi về Bộ GTVT trước ngày 31/3/2012 (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để tổng hợp. Việc lập kế hoạch cải cách hành chính phải thể hiện đầy đủ nội dung cải cách hành chính của Chương trình này; nhiệm vụ cải cách hành chính phải cụ thể, chi tiết, đặc biệt là những nhiệm vụ cải cách hành chính có tính đột phá và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả thực hiện.

2. Vụ Tổ chức cán bộ

a) Là cơ quan thường trực tổng hợp tham mưu cho Bộ trưởng chỉ đạo thực hiện Chương trình này.

b) Chủ trì triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách công chức, công vụ; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và phối hợp với Bộ Nội vụ cải cách chính sách tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức.

c) Xây dựng kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính của Bộ, trình Bộ trưởng quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch cải cách hành chính trong phạm vi trách nhiệm của Bộ.

d) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng kế hoạch cải cách hành chính năm và báo cáo cải cách hành chính hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện Chương trình.

đ) Tổng hợp việc thực hiện Chương trình của các cơ quan, đơn vị báo cáo lãnh đạo Bộ và: gửi báo cáo cải cách hành chính về Bộ Nội vụ hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính của Bộ Giao thông vận tải; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

e) Chủ trì hướng dẫn thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ.

g) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức chuyên trách thực hiện công tác cải cách hành chính ở các cơ quan trực thuộc Bộ.

3. Vụ Pháp chế

a) Chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng Bộ Tiêu chí đánh giá sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công thuộc Bộ Giao thông vận tải cung cấp.

b) Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.

c) Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4) Vụ Tài chính

a) Chủ trì triển khai nội dung cải cách tài chính công.

b) Chủ trì xây dựng kế hoạch và lập dự toán ngân sách thực hiện cải cách hành chính hàng năm của Bộ GTVT báo cáo Bộ và gửi Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính để tổng hợp, cân đối ngân sách Trung ương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ GTVT. Thời gian gửi dự toán ngân sách hàng năm cho triển khai kế hoạch cải cách hành chính cùng với thời gian gửi báo cáo dự toán ngân sách hàng năm của Bộ GTVT đến Bộ Tài chính.

c) Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện các đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch 5 năm, hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Thực hiện việc phân bổ ngân sách cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ theo quy định của pháp luật.

đ) Chủ trì nghiên cứu các văn bản quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công và hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ thực hiện; tổng hợp các kiến nghị, đề xuất của các đơn vị về đổi mới cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính; trình lãnh đạo Bộ phê duyệt, gửi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định kinh phí thực hiện cải cách hành chính hàng năm của Bộ GTVT theo quy định; chủ trì hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình.

5) Vụ Khoa học – Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn Cơ quan Bộ, Tổng cục Đường bộ VN và các Cục trực thuộc Bộ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2000; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện; đánh giá kết quả thực hiện của các cơ quan và định kỳ tổng hợp, báo cáo theo quy định.

6) Văn phòng Bộ

a) Chủ trì thực hiện:

- Nghiên cứu sửa đổi Quy chế làm việc của Bộ Giao thông vận tải.

- Các nội dung của Chương trình liên quan đến cải cách thủ tục hành chính.

- Xây dựng và hướng dẫn thực hiện phương pháp tính chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

- Xây dựng và hướng dẫn thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với dịch vụ hành chính do cơ quan hành chính nhà nước thực hiện.

b) Phối hợp với Trung tâm công nghệ thông tin và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nội dung về hiện đại hoá hành chính.

c) Là đầu mối phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trong việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ và cải cách các quy định hành chính.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ về văn hoá công sở trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

đ) Chủ trì, phối hợp với Báo GTVT, Tạp chí GTVT và các cơ quan báo chí thuộc Bộ tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính thuộc Chương trình này và phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội về cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

7) Trung tâm Công nghệ thông tin

a) Chủ trì triển khai nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước theo Chương trình này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, vận hành Mạng thông tin hành chính điện tử của Bộ trên Internet và thực hiện nhiệm vụ hiện đại hoá hành chính của Chương trình này.

c) Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan triển khai Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

8) Báo Giao thông vận tải, Tạp chí GTVT

Phối hợp với Văn phòng Bộ và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ GTVT tuyên truyền, phổ biến về kết quả cải cách hành chính và cải cách thủ tục hành chính thuộc Chương trình này trong nhân dân, đặc biệt là trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ GTVT.

Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục trực thuộc Bộ và các tổ chức giúp việc Bộ trưởng định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Bộ GTVT về tình hình và kết quả thực hiện Chương trình này. /.



Đình La Thăng